

Hà nội, ngày 21 tháng 01 năm 2000

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện công tác kiểm tra, đăng ký chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm

Để thống nhất công tác kiểm tra, đăng ký chất lượng thực phẩm của các cơ quan kiểm tra chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, căn cứ vào Nghị định 86/CP ngày 8 tháng 12 năm 1995 của Chính phủ “ Quy định trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hoá ”, Bộ Y Tế hướng dẫn thực hiện công tác kiểm tra, đăng ký chất lượng đối với các sản phẩm thực phẩm sản xuất trong nước và thực phẩm nhập khẩu như sau:

1. Các sản phẩm thực phẩm sản xuất trong nước, sản phẩm thực phẩm nhập khẩu vào Việt nam, thuộc “ Danh mục hàng hoá thực phẩm sản xuất trong nước và nhập khẩu phải đăng ký chất lượng ”, trước khi được lưu thông trên thị trường, cơ sở sản xuất thực phẩm hoặc tổ chức, cá nhân nhập khẩu thực phẩm phải làm thủ tục xin cấp đăng ký chất lượng thực phẩm tại:

1.1. Cục Quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm thực phẩm nhập khẩu và sản phẩm thực phẩm của các cơ sở sản xuất thực phẩm có vốn đầu tư nước ngoài;

1.2. Sở Y tế các Tỉnh /Thành phố đối với các sản phẩm thực phẩm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trong nước.

Căn cứ để cấp đăng ký chất lượng và trách nhiệm của cơ sở xin cấp đăng ký chất lượng phải tuân theo các quy định tại “Qui chế đăng ký chất lượng thực phẩm” ban hành kèm Quyết định 2481/1996/BYT-QĐ ngày 18/12/1996 của Bộ trưởng Bộ Y Tế và các văn bản có hiệu lực tương đương khác.

Khi cấp đăng ký chất lượng thực phẩm, ngoài các chỉ tiêu chất lượng tự công bố theo Điều 4 Quyết định 2481/1996/BYT-QĐ về “Qui chế cấp đăng ký chất lượng thực phẩm “, các cơ sở xin cấp đăng ký chất lượng bắt buộc phải công bố các chỉ tiêu chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm quy định tại phụ lục I ban hành kèm thông tư này.

2. Các cơ quan thực hiện chức năng kiểm tra Nhà nước về chất lượng đối với thực phẩm nhập khẩu theo quyết định 1370/BYT-QĐ ngày 17/7/1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế, phải kiểm tra các chỉ tiêu đánh giá chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm theo “ Các chỉ tiêu kiểm tra trọng điểm chất lượng vệ sinh an toàn đối với thực phẩm nhập khẩu ” quy định tại phụ lục 2 ban hành kèm thông tư này. Trình tự kiểm tra bao gồm:

- Kiểm tra phiếu kết quả thử nghiệm của cơ sở sản xuất nước ngoài hoặc của cơ quan kỹ thuật được chỉ định kiểm nghiệm hoặc cơ quan có thẩm quyền tại bên đi;
- Thử nghiệm ít nhất 50% số chỉ tiêu trọng điểm để đối chiếu với kết quả của phiếu thử nghiệm trên.;
- Thử nghiệm đầy đủ các chỉ tiêu trọng điểm nếu không có phiếu kết quả thử nghiệm.

3. Đối với các cơ quan kiểm tra Nhà nước sản phẩm thực phẩm sản xuất trong nước theo chức năng và nhiệm vụ được phân công phải kiểm tra theo “*Các chỉ tiêu kiểm tra trọng điểm chất lượng vệ sinh an toàn đối với thực phẩm sản xuất trong nước*” quy định tại phụ lục 3 ban hành kèm thông tư này. Trình tự kiểm tra gồm:

- Kiểm tra phiếu kết quả thử nghiệm của cơ sở sản xuất trước khi xuất xưởng;
- Thử nghiệm ít nhất 50% số chỉ tiêu trọng điểm để đối chiếu với kết quả của phiếu thử nghiệm trên;
- Thử nghiệm đầy đủ các chỉ tiêu trọng điểm nếu không có phiếu kết quả thử nghiệm

4. Việc thực hiện kiểm tra đột xuất, giám sát định kỳ sản phẩm thực phẩm đang lưu hành trong nước, tùy theo yêu cầu của việc kiểm tra, các chỉ tiêu vệ sinh an toàn thực phẩm sẽ được kiểm nghiệm toàn bộ hay 50% số chỉ tiêu chất lượng trọng điểm theo:

4.1 Thực phẩm nhập khẩu theo phụ lục 2 ban hành kèm thông tư này.

4.2 Sản phẩm thực phẩm sản xuất trong nước theo phụ lục 3 ban hành kèm thông tư này.

Bộ Y Tế giao cho Cục Quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm phối hợp với các Vụ chức năng, Thanh tra Bộ Y tế và các cơ quan hữu quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra thực hiện Thông tư này.

Nơi nhân:

- Các Bộ và cơ quan ngang Bộ.
- Vụ KH-ĐT, Vụ Pháp chế, Thanh tra Bộ.
- Cục QLCLVSAITP
- Các Viện DD, Pasteur Nha trang
- VSYTCC-tpHCM, VSĐT Tây Nguyên.
- Sở Y tế Tỉnh, Thành phố trực thuộc TƯ
- Lưu trữ.

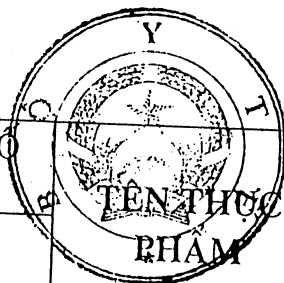
K/T BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ
Thứ trưởng



Nguyễn Văn Thương

PHỤ LỤC 1 Ban hành kèm theo thông tư số: 01... 2000/TT-BYT ngày 21 tháng 01 năm 2000 về việc " Hướng dẫn thực hiện công tác kiểm tra, đăng ký chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm:

CHỈ TIÊU BẮT BUỘC ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG VỆ SINH AN TOÀN ĐỐI VỚI THỰC PHẨM SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

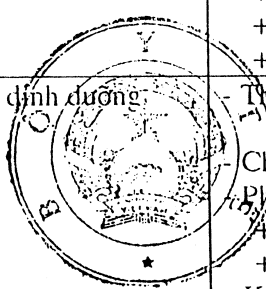



MÃ SỐ HH		TÊN THỰC PHẨM	CHỈ TIÊU HOÁ HỌC VÀ ĐỘC TỐ PHẢI ĐĂNG KÝ		CHỈ TIÊU VI SINH VẬT PHẢI ĐĂNG KÝ	
1	2		Tên chỉ tiêu	Phương pháp kiểm tra	Tên chỉ tiêu	Phương pháp kiểm tra
0210		Thịt và các cơ quan phủ tạng dùng làm thực phẩm dạng muối, sấy khô, hun khói	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần dinh dưỡng (lipit, glucit, protein...) - Chỉ tiêu lý hoá: pH, H₂S, NH₃ - Phụ gia thực phẩm: <ul style="list-style-type: none"> + Chất bảo quản + Hương liệu - Kim loại nặng 	TCVN 3705:90; TCVN 3703:90 TCVN 3708:90 TCVN 4799:89 HPLC TCVN 6471:98 TCVN 5151:90 ;TCVN 5152:90	TSVKHK Coliforms E.coli S.aureus Cl.per Salmonella TSBTNM-M	TCVN 5667:92 TCVN 4883:93 TCVN 5155:90 TCVN 5156:90 TCVN 4991:89 TCVN 5153:90 TCVN 5166:90
0401		Sữa và kem chưa cô đặc, chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác.	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần dinh dưỡng - Chất dinh dưỡng bổ sung - Phụ gia thực phẩm: <ul style="list-style-type: none"> + Chất bảo quản + Hương liệu + Phẩm màu - Aflatoxin - Kim loại nặng 	TCVN 5504:91;TCVN 5535:91 TCVN 5536:91;TCVN 5537:91 TCVN 6270:97 ;TCVN 6271:97 TCVN 6269:97 HPLC TCVN 6471:98 TCVN 6470:98 TCVN 5617:91 TCVN 5779:94 ; TCVN 5780:94	TSVKHK Coliforms E.coli S.aureus Cl.per Salmonella TSBTNM-M	TCVN 5165:90 TCVN 6262:97 TCVN 4830:89 TCVN 4991:89 TCVN 6402:98 TCVN 6265:97

1	2	3	4	5	6	7
0402		Sữa và kem đã cô đặc, đã pha thêm đường hoặc chất ngọt khác Sữa đặc có đường	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần dinh dưỡng - Chất dinh dưỡng bổ sung Đặc tính lý hoá - Phụ gia thực phẩm + Chất ngọt tổng hợp Hương liệu Kim loại nặng: - Aflatoxin 	TCVN 5504:91; TCVN 5535:91; TCVN 5536:91; TCVN 5537:91 TCVN 6270:97 ;TCVN 6271:97 TCVN 6269:97 TCVN 5533:91; TCVN 5534 ;91 TCVN 5561:91; TCVN 6463:98 TCVN 6464:98; TCVN 6465:98; TCVN 6466:98 TCVN 6471:98 TCVN 5779:94 ;TCVN 5780:94 TCVN 5617:91	TSVKHK Coliforms S.aureus Cl.perfringens Salmonella TSBTNM-M	TCVN 5165:90 CVN 6262:97 CVN 4830:89 CVN 4991:89 CVN 6402:98 CVN 6265:97
0402	29	Sữa bột các loại	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần dinh dưỡng - Chất dinh dưỡng bổ sung - Phụ gia thực phẩm: + Chất bảo quản + Hương liệu - Kim loại nặng - Aflatoxin 	TCVN 5504:91; TCVN 5535:91; TCVN 5536:91; TCVN 5537:91 TCVN 6270:97 ;TCVN 6271:97 TCVN 6269:97 HPLC TCVN 6471:98 TCVN 5779:94; TCVN 5780:94 TCVN 5617:91	TSVKHK Cl.perfringens TSBTNM-M	TCVN 5165:90 TCVN 4991:89 TCVN 6265:97
0403		- Sữa nước tách bơ, sữa đông kem, sữa chua, và sữa kem khác đã lên men hoặc axit hoá đã hoặc chưa cô đặc, pha thêm đường, chất ngọt khác, hương liệu hoa quả và ca cao.	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần dinh dưỡng, - Chất dinh dưỡng bổ sung Đặc tính lý hoá - Phụ gia thực phẩm: + Phẩm màu + Hương liệu + Các chất bảo quản + Các chất làm đông đặc - Kim loại nặng: - Aflatoxin 	TCVN 5504:91; TCVN 5535:91; TCVN 5536:91; TCVN 5537:91 TCVN 6270:97 ;TCVN 6271:97 TCVN 6269:97 TCVN 5533:91 TCVN 6470:98 TCVN 6471:98 HPLC HPLC TCVN 5779:94; TCVN 5780:94 TCVN 5617:91	TSVKHK Coliforms Salmonella TSBTNM-M	TCVN 5165:90 TCVN 6262:97 TCVN 6402:98 TCVN 6265:97

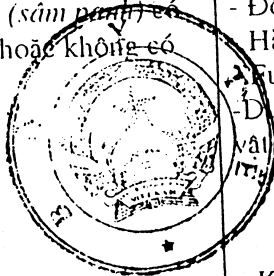
1	2	3	4	5	6	7
0405		Bơ và các chất béo khác, các loại dầu, bơ tinh chế từ sữa, lớp phết bơ sữa (bao gói sẵn)	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần dinh dưỡng - Chất dinh dưỡng bổ sung - Độ chua - Aflatoxin - Kim loại nặng - Phụ gia thực phẩm: 	TCVN 5504:91;TCVN 5535:91; TCVN 5536:91;TCVN 5537:91 TCVN 6270:97 ;TCVN 6271:97 TCVN 6269:97 TCVN 5448:91 TCVN 5617:91 TCVN 6270:97 ;TCVN 5780:94	<i>Coliforms</i> <i>S.aureus</i> <i>Salmonella</i> TSBTNM-M	TCVN 6262:97 TCVN 4830:89 TCVN 6402:98 TCVN 6265:97
0406		Phomat và sữa đông dùng làm phomat	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần dinh dưỡng - Độ chua - Độ ôi khét - Hàm lượng nước - Aflatoxin - Kim loại nặng - Phụ gia thực phẩm +Chất chống oxy hoá 	TCVN 5501:91 TCVN 5448:91 TCVN 2627:93 TCVN 5533:91 TCVN 5617:91 TCVN 5779:94 ; HPLC	<i>Coliforms</i> <i>S.aureus</i> <i>Salmonella</i> TSBTNM-M	TCVN 4883:93 TCVN 4830:89 TCVN 4829:89 TCVN 6265:97
0901		Cà phê rang hoặc chưa rang đã hoặc chưa chế biến	<ul style="list-style-type: none"> - Độ ẩm - Hàm lượng cafein - Aflatoxin - Phụ gia thực phẩm + Hương liệu + Phẩm màu 	TCVN 5701:93 TCVN 5703:93 TCVN 5617:91 TCVN 6471:98 TCVN 6470:98	TSBTNM-M	TCVN 4993:89 TCVN 5166:90
0902		Chè xanh đóng hộp, đóng gói định lượng. Chè đen đóng hộp, đóng gói định lượng.	<ul style="list-style-type: none"> -Trạng thái cảm quan - Độ ẩm - Dư lượng thuốc BVTV + Chất bảo quản - Nồng độ tanin 	TCVN 3218:93 TCVN 5613:91 TCVN 5158:90;TCVN5159:90; TCVN 5160:90;TCVN 5161:90 HPLC TCVN 1458:96	TSBTNM-M	TCVN 5166:90 TCVN 4993:89
15(...) từ 15.00 đến 15.58		- Các loại mỡ dầu động vật, thực vật và các chế phẩm dùng để ăn làm từ dầu mỡ đã hoặc chưa tinh chế	<ul style="list-style-type: none"> -Thành phần dinh dưỡng - Hàm lượng nước - Độ chua, - Chỉ số peroxit - Chỉ số iốt - Phụ gia thực phẩm: + Chất bảo quản + Chất chống oxy hoá 	TCVN 6032:95; TCVN 6117:96 TCVN 6118:96 TCVN 6127:96;TCVN 2627:93 ; TCVN 6121:96; TCVN 6122:96 TCVN 6350:98 TCVN 6349:98	TSVKHK TSBTNM-M.	TCVN 5166:90 TCVN 4993:89

1	2	3	4	5	6	7
			<ul style="list-style-type: none"> - Kim loại nặng - Aflatoxin (đối với dầu mỡ thực vật) 	TCVN 6352:98; TCVN 6353:94 TCVN 6354:98 TCVN 5617:91		
16.01 16.02		Xúc xích và các sản phẩm tương tự làm từ thịt, cá làm từ các bộ phận nội tạng hoặc tiết động vật; các chế phẩm thức ăn từ các sản phẩm đó	- Trạng thái cảm quan - Chỉ tiêu lý hoá NH ₃ , pH, NO ₂ , NO ₃ - Phụ gia thực phẩm: + Chất bảo quản + Phẩm màu + Hương liệu	TCVN 4799:89 TCVN 4835 :89; TCVN 5247:90 HPLC TCVN 6470:98 ;TCVN 5535:91 TCVN 6471:98	TSVKHK Coliform E. coli S.aureus Cl.perfringens Salmonella TSBTNM-M	TCVN 5667:92 TCVN 4883:93 TCVN 5155:90 TCVN 5156:90 TCVN 4991:89 TCVN 5153:90 TCVN 5166:90
17.01		- Đường mía, đường củ cải và đường Saccarose ở dạng tinh thể - Đường thô chưa pha thêm hương liệu hoặc chất màu - Đường tinh thể	- Trạng thái cảm quan - Độ ẩm - Tạp chất. - Hàm lượng SO ₂ - Hàm lượng đường saccarose, đường đơn - Kimloại nặng	TCVN 1696:87; TCVN 4837:89 TCVN 6333:97 TCVN 4839:89 TCVN 4838:89 TCVN 6328:97; TCVN 6329:97 TCVN 4837:89 TCVN 5779:94; TCVN 5780:94	TSBTNM-M	TCVN 5166:90 TCVN 4993:89
17.04		Các loại mứt, kẹo có đường (kể cả sô cô là trắng) không chứa ca cao Kẹo cao su đã hoặc chưa bọc đường	- Trạng thái cảm quan - Chỉ số peroxit (với socola) - Phụ gia thực phẩm: + Hương liệu + Phẩm màu + Chất bảo quản + Chất ngọt tổng hợp	TCVN 4068:85; TCVN 5908:95 TCVN 6121:96; TCVN 6471:98 TCVN 6470:98 HPLC TCVN 5561:91; TCVN 6463:98 TCVN 6464:98; TCVN 6465:98; TCVN 6466:98	TSVKHK Coliform E. coli S.aureus Cl.perfringens Salmonella TSBTNM-M	TCVN 5667:92 TCVN 4883:93 TCVN 5155:90 TCVN 5156:90 TCVN 4991:89 TCVN 5153:90 TCVN 5166:90
18.03		Cacao bột	- Hàm lượng lipit - Độ ẩm - Tạp chất - Aflatoxin	TCVN 6032:95 TCVN 6026:95 TCVN 5103:90 TCVN 5617:91		
18.06		Sôcôla và các chế phẩm ăn được chứa cacao	- Thành phần dinh dưỡng (gluxit, lipit, Protein) - Hàm lượng cocain - Chỉ số peroxit	TCVN 4837:89; TCVN 4593:88 TCVN 6032:95 TCVN 6121:96	TSVKHK Coliforms S.aureus Cl.per	TCVN 5165:90 TCVN 4883:93 TCVN 4830:89 TCVN 4991:89

1	2	3	4	5	6	7
			<ul style="list-style-type: none"> - Kim loại nặng : - Phụ gia thực phẩm: <ul style="list-style-type: none"> + Hương liệu + Phẩm màu + Chất bảo quản 	TCVN 5779:94; TCVN 5780:94 TCVN 6471:98 TCVN 6470:98 HPLC	<i>Salmonella</i> <i>TSBTNM-M</i>	TCVN 4829:89 TCVN 5166:90
19.01		Bột dinh dưỡng 	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần dinh dưỡng - Chất dinh dưỡng bổ sung - Phụ gia thực phẩm: <ul style="list-style-type: none"> + Chất bảo quản + Hương liệu - Kim loại nặng - Aflatoxin 	TCVN 6032:95; TCVN 4593:88 TCVN 4837:89 TCVN 5540:91 HPLC TCVN 6471:98 TCVN 6270:97 ; TCVN 5780:94 TCVN 5617:91	<i>TSVKHK</i> <i>Coliforms</i> <i>S.aureus</i> <i>Cl.per</i> <i>Salmonella</i> <i>TSBTNM-M</i>	TCVN 5165:90 TCVN 4883:93 TCVN 4830:89 TCVN 4991:89 TCVN 4829:89 TCVN 5166:90
1901	90 10 và 10 90	Các sản phẩm dinh dưỡng điều trị (thức ăn qua xông dùng cho bệnh nhân nặng)	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần, độ ẩm - Chất dinh dưỡng bổ sung - Phụ gia thực phẩm: <ul style="list-style-type: none"> + Chất bảo quản + Hương liệu + Chất ngọt tổng hợp - Aflatoxin - Kim loại nặng 	TCVN 5701:93; TCVN 6270:97 ;TCVN 6271:97 TCVN 6269:97 HPLC TCVN 6471:98 TCVN 5561:91; TCVN 6463:98 TCVN 6464:98; TCVN 6465:98; TCVN 6466:98 TCVN 5617:91 TCVN 5779:94 ;TCVN 5780:94	<i>TSVKHK</i> <i>Coliforms</i> <i>S.aureus</i> <i>Cl.per</i> <i>Salmonella</i> <i>B.cereus</i> <i>TSBTNM-M</i>	TCVN 5165:90 TCVN 4883:93 TCVN 4830:89 TCVN 4991:89 TCVN 4829:89 TCVN 6404:98 TCVN 4993:89
19.02		Các sản phẩm bột nhào đã hoặc chưa nấu hoặc nhồi các chất khác, hay chế biến theo cách khác	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần dinh dưỡng - Độ ẩm - Aflatoxin - Kim loại nặng - Phụ gia thực phẩm <ul style="list-style-type: none"> + Phẩm màu + Hương liệu + Chất bảo quản 	TCVN 6026:95 TCVN 5671:91 TCVN 5779:94 ;TCVN 5780:94 TCVN 6470:98 TCVN 6471:98 HPLC	<i>TSVKHK</i> <i>Coliforms</i> <i>S.aureus</i> <i>Cl.per</i> <i>Salmonella</i> <i>TSBTNM-M</i>	TCVN 5165:90 TCVN 4883:93 TCVN 4830:89 TCVN 4991:89 TCVN 4829:89 TCVN 5166:90
19.04		Thức ăn chế biến từ quá trình nổ, rang ngũ cốc hoặc sản phẩm ngũ cốc	<ul style="list-style-type: none"> - Aflatoxin - Phụ gia thực phẩm: <ul style="list-style-type: none"> + Phẩm màu, + Hương liệu 	TCVN 5617:91 TCVN 6470:98 TCVN 6471:98	<i>TSBTNM-M</i>	TCVN 5166:90 TCVN 4993:89

1	2	3	4	5	6	7
			+ Chất ngọt tổng hợp	TCVN 5561:91; TCVN 6463:98 TCVN 6464:98; TCVN 6465:98; TCVN 6466:98		
19.05		Bánh mì, bánh ngọt và các loại bánh khác 	- Độ ẩm - Phụ gia thực phẩm + Chất ngọt tổng hợp + Hương liệu + Phẩm màu + Chất bảo quản + Các chất phụ gia khác	TCVN 6026:95 TCVN 5561:91; TCVN 6463:98 TCVN 6464:98; TCVN 6465:98; TCVN 6466:98 TCVN 6471:98 TCVN 6470:98 HPLC	TSVKHK Coliforms S.aureus Cl.per Salmonella TSBTNM-M	TCVN 5165:90 TCVN 4883:93 TCVN 4830:89 TCVN 4991:89 TCVN 4829:89 TCVN 5166:90
20.00 20.01		Rau quả tươi và các sản phẩm thực vật khác đã hoặc chưa chế biến và bảo quản, rau quả khô, rau quả đóng hộp	- Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và phân hoá học - Phụ gia thực phẩm + Chất bảo quản - Độ ẩm (đối với rau khô)	TCVN 5618:91; TCVN 5619:91 TCVN 5620:91; TCVN 5621:91 TCVN 5622:91; TCVN 5623:91 TCVN 5247:90 HPLC TCVN 5103:90	KST(loại rau tươi) TSBTNM-M -rau khô Coliforms B.cereus TSBTNM-M	TCVN 4993:89 TCVN 4883:93 TCVN 6404:98 TCVN 4993:89
20.09		Nước quả ép, nước rau ép và các loại khác được đóng chai hoặc lon	-Thành phần cấu tạo - Đặc tính hoá lý - Phụ gia thực phẩm: + Chất ngọt tổng hợp; + Chất bảo quản + Chất điều chỉnh độ chua + Hương liệu + Phẩm màu - Kim loại nặng:	TCVN 4594:88 ; TCVN 4715:89 TCVN 5366:91 TCVN 4411:87 TCVN 5561:91; TCVN 6463:98 TCVN 6464:98; TCVN 6465:98; TCVN 6466:98 TCVN 4713:89 ;TCVN 4714:89 TCVN 4715:89 ; TCVN 5246:90 TCVN 5245:90 TCVN 6471:98 TCVN 6470:98 TCVN 5367:91 ;TCVN 5368:91 TCVN 5496:91 ;TCVN 5487:91	TSVKHK Coliforms E.coli S.aureus Cl.perfringens Streptococci- faecal P.aeruginosa TSBTNM-M Salmonell	TCVN 5165:90 TCVN 4883:93 TCVN 5155:90 TCVN 4830:89 TCVN 4991:89 TCVN 6404:98 TCVN 6404:98 TCVN 4993:89 TCVN 4829:89

1	2	3	4	5	6	7
21.03		Nước sốt và các chế phẩm làm từ nước sốt; - Bột gia vị hỗn hợp. Bột cạnh hỗn hợp	- Thành phần dinh dưỡng - Kim loại nặng: - HCBVTV (từ rau, quả) - Độ ẩm (với gia vị dạng bột) - Phụ gia thực phẩm: + Chất bảo quản + Hương liệu + Phẩm màu	TCVN 4713:89 ; TCVN 4714:89 TCVN 4715:89 ; TCVN 5246:90 TCVN 5620:91; TCVN 5621:91 TCVN 5622:91; TCVN 5623:91 TCVN 4891:89 TCVN 6471:98 TCVN 6470:98 TCVN 5779:94 ; TCVN 5780:94 TCVN 5618:91; TCVN 5619:91	TSVKHK Coliforms E.coli S.aureus Cl.perfringens Streptococci-faecal P.aeruginosa TSBTNM-M Salmonella	TCVN 5165:90 TCVN 4883:93 TCVN 5155:90 TCVN 4830:89 TCVN 4991:89 TCVN 6404:98 TCVN 6404:98 TCVN 4993:89 TCVN 4829:89
2103	00	Mỳ chính	- Natri glutamat - Chỉ tiêu cảm quan - Hàm lượng nước - Kim loại nặng Pb,As	TCVN 1460:97 TCVN 1459:97 TCVN 1460: 97 TCVN 5779:94 ; TCVN 5780:94	TSBTNM-M	TCVN 5166:90 TCVN 4993:89
2201 2202		Các loại nước uống tinh khiết đóng chai, bình Nước khoáng thiên nhiên hoặc nước khoáng nhân tạo Nước ngọt có ga hoặc không, chưa hoặc đã pha thêm đường hoặc chất ngọt khác hoặc hương liệu.	- NO ₂ , NO ₃ , - Tổng chất hữu cơ, - Kim loại nặng. - Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật - Tổng chất rắn hoà tan, tổng khoáng - Fluor, sắt, CO ₂ - Phụ gia thực phẩm + Chất ngọt tổng hợp (đối với nước ngọt) + Phẩm màu, + Chất bảo quản, - Độ chua	TCVN 2671:78 TCVN 2675:78; TCVN 2676:78 TCVN 2677:78 TCVN 5618:91; TCVN 5619:91 TCVN 5620:91; TCVN 5621:91 TCVN 5622:91; TCVN 5623:91 TCVN 6096:95 TCVN 2672:78 TCVN 5561:91; TCVN 6463:98 TCVN 6464:98; TCVN 6465:98; TCVN 6466:98 TCVN 6470:98 HPLC TCVN 2655:78	TSVKHK Coliforms E.coli S.aureus Cl.perfringens Streptococci-faecal P.aeruginosa TSBTNM-M Salmonella	TCVN 5165:90 TCVN 4883:93 TCVN 5155:90 TCVN 4830:89 TCVN 4991:89 TCVN 6404:98 TCVN 6404:98 TCVN 4993:89 TCVN 4829:89
2203		Bia các loại	- Độ rượu - Độ chua - Diacetyl - Hàm lượng CO ₂ - Dư lượng TBVTV	TCVN 5562:91 TCVN 5564:91 TCVN 6058-95 TCVN 5563:91 TCVN 5618:91; TCVN 5619:91 TCVN 5620:91; TCVN 5621:91	TSVKHK Coliforms S.aureus Cl.perfringens P.aeruginosa TSBTNM-M	TCVN 5165:90 TCVN 4883:93 TCVN 4830:89 TCVN 4991:89 TCVN 6404:98 TCVN 4993:89 TCVN 5166:90

1	2	3	4	5	6	7
			<ul style="list-style-type: none"> - Furfurol 	TCVN 5622:91; TCVN 5623:91 HPLC		
2204 2205		Rượu vang, vang bột (<i>sâm panhi</i>) có ga hoặc không có ga 	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc tính lý hoá - Độ chua - Độ cồn - Hàm lượng CO₂ - Furfurol - Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (nguyên liệu) + Chất bảo quản + Phẩm màu - Kim loại nặng 	TCVN 3117:79 TCVN 5561:91; TCVN 5562:91 TCVN 5563:91 HPLC TCVN5618:91;TCVN5619:91T CVN 5620:91; TCVN 5621:91 TCVN 5622:91; TCVN 5623:91 HPLC TCVN 6470:98 TCVN 5367:91 ;TCVN 5368:91 TCVN 5496:91 ;TCVN 1979:88 TCVN 1978:88	TSVKHK Coliforms S.aureus Cl.perfringens P.aeruginosa TSBTNM-M	TCVN 5165:90 TCVN 4883:93 TCVN 4830:89 TCVN 4991:89 TCVN 6404:98 TCVN 4993:89 TCVN 5166:90
2206 2208		Rượu các loại khác	<ul style="list-style-type: none"> - Độ rượu - Este - Metanol - Furfurol - Aldehyt - Phụ gia thực phẩm: + Hương liệu + Phẩm màu - Kim loại nặng: 	TCVN 1273:86 TCVN 1273:86 TCVN 1273:86 HPLC TCVN 1273:86; TCVN 5013:89 TCVN 6471:98 TCVN 6470:98 TCVN 1977:88 ;TCVN 1978:88 TCVN 5367:91 ;TCVN 5368:91 TCVN 5496:91 ;TCVN 1979:88 TCVN 1978:88	TSVKHK Coliforms S.aureus Cl.perfringens P.aeruginosa TSBTNM-M	TCVN 5165:90 TCVN 4883:93 TCVN 4830:89 TCVN 4991:89 TCVN 6404:98 TCVN 4993:89 TCVN 5166:90
		Bột mỳ	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần, độ ẩm, độ chua - Chỉ số Gluten - Tạp chất - Kim loại nặng: Pb, As, - Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật - Phụ gia thực phẩm + Chất bảo quản - Aflatoxin 	TCVN 6026:95; TCVN 1874:95 TCVN 5367:91 ;TCVN 5368:91 TCVN5618:91;TCVN5619:91T CVN 5620:91; TCVN 5621:91 TCVN 5622:91; TCVN 5623:91 HPLC TCVN 5617:91	TSVKHK Coliforms S.aureus Cl.perfringens P.aeruginosa TSBTNM-M	TCVN 5165:90 TCVN 4883:93 TCVN 4830:89 TCVN 4991:89 TCVN 6404:98 TCVN 4993:89 TCVN 5166:90